| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11/ 3/ 2021
*V/v: " Ly hôn-Tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương
  2. Ông Lò Thanh Hồng

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Cán bộ - Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Lê Thành Công - Kiểm sát viên

Ngày 11/3/2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-ST ngày 29/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 10 ngày 19/02/2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Lò Thị C - Sinh năm 1988.
Trú tại: Bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (có đơn xin xử vắng mặt).
2. **Bị đơn**: Anh Lò Văn K - Sinh năm 1989
Trú tại:Bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.(vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/10/2020 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị C (nguyên đơn) trình bày:*

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn K tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ vào ngày 19/01/2017 hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc từ ngày cưới đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi phát hiện anh K có thái độ không hài lòng với vợ không tu chí làm ăn, theo bạn bè đi chơi về rất muộn và bị nghiện chất ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh K từ bỏ ma túy nhưng anh K không nghe vẫn tái nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc phát triển của con tôi. Hai vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tôi và anh K đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn, cuộc

hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K

2.Về con chung: Chị C khai vợ chồng có 1 con chung là: Lò Anh Đ, sinh ngày 10/9/2018 sau khi ly hôn chị C xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/10/2020, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị C cho anh K biết. Giao thông báo thụ lý vụ án cho anh K nhận. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh K không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án cho gia đình. Nhưng anh K vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 29/01/2021 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho anh K nhưng anh Kiêm vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa và tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn K đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lò Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 69, 81, 82 83, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chấp nhận cho chị C được nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Về tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Đđã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177; 179/ BLTTDS, việc anh Kiêm không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh Kiêm đã tự từ bỏ quyền

và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn K tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị C và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã T cũng như tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân do Tòa án thu thập cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh Kiêm có sử dụng chất ma túy không quan tâm đến vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi làm thuê không đem tiền về cho vợ con mà chỉ lo cho bản thân dẫn đến mất lòng tin với nhau. Hai gia đình và tổ hòa giải thôn bản đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị C đã cho anh K đi cai nghiện ma túy nhưng anh K không từ bỏ ma túy dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Bản thân chị C xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị C và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân nhiều năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị C cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị C xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị C và anh Lò Văn K

[3] Về con chung: Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là: Lò Anh Đ sinh ngày 10/9/2018. Xét thấy hiện tại chị C mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu hiện còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND xã Th, anh K bị nghiện chất ma túy, anh K thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị C. Giao con cho chị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh K có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con**:** Chị C không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị C.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị Lò Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị C được ly hôn với anh Lò Văn K

2. Về con chung: Chị Lò Thị Chính được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng con chung Lò Anh Đ sinh ngày 10/9/2018 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh K không phải cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản của chị Lò Thị C.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị Lò Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị Ch đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2020/0000798 ngày 29/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bạc Thị Liên**